

Tư tưởng khoan dung và lạc quan của Nguyễn Du trong Truyện Kiều

Nguyễn Tấn Hùng*

Tóm tắt: Bài viết phân tích về tư tưởng khoan dung và lạc quan của Nguyễn Du trong Truyện Kiều. Điều đó thể hiện ở chỗ, Nguyễn Du sự thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc đối với những con người khốn khổ, nạn nhân của tình trạng áp bức và bất công trong xã hội, ông tin vững chắc vào tương lai tươi sáng của những người lương thiện có lòng kiên trì chịu đựng và vượt qua khó khăn, đau khổ. Tư tưởng khoan dung và lạc quan có tầm quan trọng đối với sự phát triển của xã hội ta trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.

Từ khóa: Nguyễn Du; Truyện Kiều; tư tưởng; khoan dung; lạc quan.

1. Đặt vấn đề

Truyện Kiều [1] của Nguyễn Du là một tác phẩm văn chương có ý nghĩa triết lý rất sâu sắc. Giá trị nghệ thuật của Truyện Kiều là vấn đề đã được nghiên cứu qua nhiều thế hệ Việt Nam và đã được mọi người thừa nhận. Yếu tố quan trọng làm nên sự bất hủ của Truyện Kiều qua các thời kỳ lịch sử và chế độ xã hội khác nhau, vượt khỏi phạm vi quốc gia, được biết đến ở nhiều dân tộc khác trên thế giới là những tư tưởng nhân văn sâu sắc của tác phẩm. Xã hội càng văn minh, tiến bộ thì ta lại càng phát hiện thêm nhiều giá trị nhân văn mới trong Truyện Kiều. Truyện Kiều đã được dịch ra hơn 20 thứ tiếng trên thế giới với 35 bản dịch. Nguyễn Du - tác giả Truyện Kiều đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc tôn vinh là “danh nhân văn hóa”.

Bài viết đề cập tới vấn đề tư tưởng khoan dung và lạc quan đối với tương lai cuộc sống. Hai khía cạnh này có quan hệ qua lại với nhau, làm tiền đề trong cuộc

sống cá nhân và xã hội. Cùng với tư tưởng nhân nghĩa và vị tha, tư tưởng khoan dung và lạc quan về tương lai trong Truyện Kiều cũng là những giá trị tư tưởng bất hủ của dân tộc Việt Nam, xứng đáng hòa nhập với di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

2. Tư tưởng khoan dung

Khoan dung là thuật ngữ được sử dụng phổ biến trên thế giới hiện nay, thể hiện sự tiến bộ của xã hội về văn hóa, đạo đức, chính trị... Do vậy, cần hiểu nội hàm của khái niệm này theo ý nghĩa quốc tế của nó, không nên bó hẹp theo nghĩa cũ trong tiếng Hán Việt, như là tha thứ, khoan hồng, đó chỉ là một khía cạnh nhỏ trong tư tưởng khoan dung. Hiện nay có rất nhiều người, trong đó có học sinh, sinh viên khi được hỏi về ý nghĩa của từ khoan dung thường chỉ được hiểu ở khía cạnh khoan hồng, tha thứ.

Khoan dung trong tiếng Anh có nghĩa rộng là thái độ khách quan, đúng mực,

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Duy Tân.
ĐT: 0914030678. Email: ngthung46@gmail.com

không đồ kỵ, thù ghét và sẵn sàng chấp nhận sự cùng tồn tại với những tư tưởng, niềm tin, tín ngưỡng, hành động, lối sống... của những cá nhân hay bộ phận xã hội khác không giống với quan điểm, niềm tin, lối sống của mình. Khoan dung khác với khoan hồng. Khoan hồng là tha thứ sai lầm, còn khoan dung là chấp nhận sự đa dạng. Người khác, dân tộc khác, quốc gia khác có hoàn cảnh khác nên họ có cách sống và hành động khác với chúng ta nên không thể bắt mọi người phải suy nghĩ và sống như chúng ta được, không thể áp đặt tiêu chuẩn của mình cho người khác. Nhân ái, khoan hồng là những giá trị đạo đức truyền thống, còn khoan dung là một giá trị mới, hiện đại đang được thế giới cổ vũ như là một điều kiện đảm bảo sự ổn định, phát triển bền vững của xã hội và hội nhập quốc tế. Tất nhiên khoan dung có nguyên tắc của nó; khoan dung chỉ chấp nhận sự đa dạng, không phải là chấp nhận mọi cái. Nó cực lực lên án mọi biểu hiện cực đoan, bất công, giả dối, lừa đảo, tàn bạo, vô liêm sỉ.

Nguyễn Du chưa dùng thuật ngữ khoan dung trong các tác phẩm của mình, nhưng qua việc nghiên cứu toàn bộ Truyện Kiều và một số tác phẩm khác, qua thái độ và sự đánh giá của ông đối với các nhân vật, chúng ta thấy toát lên tư tưởng khoan dung, một tư tưởng vượt thời đại của nhà đại thi hào này. Trong tình yêu, tình bạn, trong cách đánh giá con người, Nguyễn Du đã vượt lên trên những quan niệm, lễ nghi phong kiến có tính hình thức ràng buộc con người, nhưng vẫn giữ được cái giá trị cốt lõi của vấn đề. Tư tưởng khoan dung của Nguyễn Du có hai mặt: vừa chấp nhận sự đa dạng trong lối sống, cảm thông với hoàn cảnh của những con người xấu số, vừa lên án những bất công, xấu xa của xã hội. Tư

tưởng khoan dung của Nguyễn Du không chỉ thể hiện trong lối sống cá nhân, mà cả trong thái độ chính trị nữa.

Mối tình giữa Thuý Kiều và Kim Trọng với cuộc hẹn hò lén lút, trao kỷ vật, thề non hẹn biển với nhau khi chưa có sự đồng ý của gia đình là một hiện tượng vượt ra ngoài khuôn khổ thông thường, không thể chấp nhận được đối với lễ giáo phong kiến, nhưng dưới con mắt của Nguyễn Du và xã hội hiện nay, qua những câu thơ tuyệt vời của ông lại là một cuộc tình đầy thơ mộng, nhưng vẫn giữ được tính đoan chính của tình yêu nam nữ. Ở đây Nguyễn Du đã phá bỏ những ràng buộc phong kiến, đề cao tự do của con người, nhưng vẫn nêu được những quy tắc đạo đức cơ bản trong tình yêu mà mọi thanh niên nam nữ trong xã hội cần phải tuân thủ.

Nguyễn Du không chỉ thương xót mà còn thông cảm với số phận của Thuý Kiều, Đạm Tiên, nếu nói theo ngôn từ của chúng ta hiện nay, họ là những gái mại dâm bị coi là tội phạm, bị xã hội khinh bỉ, bêu xấu, lên án. Tuy nhiên, với cách lý giải và ngòi bút tài tình của mình, Nguyễn Du đã cho chúng ta hiểu và thông cảm với số phận của những người con gái, nạn nhân của tình trạng xã hội bất công. Họ là những nhân vật điển hình trong hàng vạn những con người như vậy, không chỉ ở thời đại của ông, mà cả trong thời đại của chúng ta nữa. Thái độ đúng đắn của mọi người không phải là khinh rẻ, miệt thị họ mà nên thông cảm với hoàn cảnh éo le, với quá khứ và hiện tại không lấy gì làm tốt đẹp của họ, tìm cách cứu giúp họ, tạo điều kiện để họ có thể hòa nhập với thế giới của chúng ta để cùng nhau hướng tới một tương lai tươi sáng.

Tư tưởng khoan dung của Nguyễn Du thể hiện trước tiên ở thái độ của Thúy Kiều đối với Đạm Tiên. Nếu Thúy Vân hời hợt khi trách chị của mình “khéo dư nước mắt khóc người đời xưa!” thì Thúy Kiều lại có suy nghĩ sâu sắc hơn, chẳng những không coi khinh mà còn thông cảm, thương xót Đạm Tiên với một tình cảm chân thành nhất. Đối với xã hội phong kiến, những nghề ca múa, hát xướng thuộc loại “xướng ca vô loài”; những kỹ nữ như Đạm Tiên nếu không đáng khinh thì cũng chẳng có gì đáng nói. Nhưng Nguyễn Du chẳng những không coi khinh mà còn thông cảm và quý trọng người con gái tài hoa mà xấu số đó.

Tư tưởng khoan dung của Nguyễn Du chủ yếu thể hiện trong cách nhìn nhận đối với việc làm và thái độ, niềm đau của Thúy Kiều. Nguyễn Du coi việc Thúy Kiều “bán mình chuộc cha” là việc làm chí hiếu của một người con, cho nên cái trình tiết về mặt thân thể của mình dù đã bị hủy hoại, nhưng: “Như nàng lấy hiếu làm trinh/ Bụi nào cho đục được mình ấy vay?”. Nhà thơ Nguyễn Công Trứ chửi Kiều “đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm” (Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858), một nhà chính trị, quân sự, làm quan thời Gia Long, Minh Mạng đến chức Thượng thư, Tổng đốc. Ông cũng là một nhà thơ nổi tiếng. Các câu thơ: “Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa/ Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm/ Bán mình trong bấy nhiêu năm/ Đố đem chữ hiếu mà làm được ai” nằm trong bài *Vịnh Kiều* của ông) là một lời trách oan. Thật ra khi quyết định bán mình, Thúy Kiều tưởng rằng sẽ làm tỳ thiếp cho một người đàn ông xa lạ nào đó để lấy tiền cứu cha; nàng đâu có biết mình sẽ bị đưa vào lầu xanh. Sau khi đổi mặt với sự thật, Kiều nhiều lần toan tự tử; bị đánh đập, hành hạ, cuối cùng nàng phải chấp

nhận số phận đã an bài và thốt lên một câu vô cùng chua xót: “Thân lươn bao quản lấm đầu/ Chút lòng trinh bạch từ sau xin chờ”.

Bị bắt buộc phải làm điều xấu xa, Thúy Kiều rất đau xót về việc làm của mình: “Xót mình cửa các, buông khuê/ Vỡ lòng, học lấy những nghề nghiệp hay!/ Khéo là mặt dạn mày dày!/ Kiếp người đã đến thế này thì thôi!”.

Qua những tình tiết trên, chúng ta thấy bản chất của Thúy Kiều không phải là một cô gái dâm đãng, như cách đánh giá của Nguyễn Công Trứ.

Tư tưởng khoan dung của Nguyễn Du còn thể hiện trong cách nhìn nhận của Kim Trọng đối với Thúy Kiều sau mười lăm năm lưu lạc. Kim Trọng đã không câu nệ quá khứ của Thúy Kiều và đã tìm thấy hạnh phúc trong tình bạn với nàng cho đến cuối đời. Hai người thật tâm đắc với nhau, là tri âm tri kỷ của nhau: “Khi chén rượu, lúc cuộc cờ/ Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên”.

Với tấm lòng khoan dung đó, Kim Trọng xứng đáng là người “quân tử”, đâu phải là hạng người nhỏ nhen, tính toán như cách đánh giá của Nguyễn Khuyến là Kim Trọng uổng công “đeo đẳng mãi” để rồi “khăng khăng vớt lấy một phần đuôi” (Nguyễn Khuyến (1835 - 1909), thường được biết đến với biệt danh “Tam nguyên Yên Đỗ”, giữ một số chức quan nhỏ triều Nguyễn, nhưng ông nổi tiếng là một nhà thơ với hàng trăm bài thơ bằng chữ Hán, chữ Nôm. Ông viết nhiều bài *Vịnh Kiều*. Câu “Không trách chàng Kim đeo đẳng mãi/ Khăng khăng vớt lấy một phần đuôi” nằm trong bài *Tổng vịnh Kiều* của ông).

Chính Thúy Kiều nhờ tấm lòng quân tử của Kim Trọng mà “thân tàn gạn đục khơi

trong”. Kết cục câu chuyện giúp ta thấy rằng: có lòng khoan dung thì mới có thể tìm thấy hạnh phúc chân chính cho bản thân mình và đem lại hạnh phúc cho người khác. Bởi vì, hạnh phúc của cá nhân luôn luôn nằm trong quan hệ với người khác. Nếu một cá nhân luôn cho mình là cao quý và người khác là thấp hèn thì không bao giờ có thể tìm thấy hạnh phúc trong quan hệ với người khác được.

Đối với những khách làng chơi sẵn sàng phung phí ngàn vàng để đổi lấy một trận cười, người đời thường coi họ là loại ăn chơi trác táng đáng khinh, nhưng Nguyễn Du lại có sự phân biệt trong số những con người này cũng có những tấm lòng tốt, chân tình, như người khách của Đạm Tiên đã “khóc than khôn xiết sự tình” khi biết Đạm Tiên đã không còn trên đời này. Thúc Sinh đã yêu nàng Kiều với lòng chân tình, cứu nàng ra khỏi lầu xanh và được Thúy Kiều coi là một ân nhân của mình. Từ Hải cũng vậy, đã đáp lại lòng chân thành của Thúy Kiều bằng lời thề thốt: “Một lời đã biết đến ta/ Muôn chung, nghìn tứ, cũng là có nhau” và đã chuộc Thúy Kiều về làm vợ mình, cho nàng được tham gia bàn việc quân cơ.

Tư tưởng khoan dung về chính trị của Nguyễn Du thể hiện ở sự đánh giá các cuộc nổi dậy của nông dân trong thời kỳ Lê mạt - Nguyễn sơ thông qua nhân vật Từ Hải. Nguyễn Du đã thông cảm với nỗi khổ và nguyên nhân nổi loạn của nông dân giống như Thị Nại Am đối với với các anh hùng Lương Sơn Bạt trong tác phẩm *Thủy Hử*. Nguyễn Du một mặt lên án tình trạng bất công là nguyên nhân các cuộc nổi loạn, nhưng ông không đồng tình với các cuộc nổi loạn. Ông phản đối việc giải quyết vấn đề bằng bạo lực vì: “Ngẫm từ đây việc binh đao/ Đồng xương vô định đã cao bằng đầu”.

Thúy Kiều khuyên Từ Hải ra hàng triều đình để đem lại bình yên cho đất nước, nhưng có ngờ đâu lại trở thành nạn nhân của âm mưu thâm độc của Hồ Tôn Hiến. Rõ ràng đây là tình cảnh bế tắc, bị kịch của những cuộc nổi dậy. Qua mô tả của Nguyễn Du cũng như của Thị Nại Am, chúng ta thấy rằng chính những tên gian thần như Hồ Tôn Hiến, Cao Cầu đã làm cho những con người có lòng trung nghĩa cũng không thể sống được mà phải nổi loạn. Dùng âm mưu xảo quyệt tuy có dẹp được một cuộc nổi loạn này, nhưng làm sao dẹp được tất cả những cuộc khác. Thiếu lòng khoan dung, rốt cục đất nước sẽ bị suy yếu do loạn lạc liên miên. Qua cuộc nổi loạn của Từ Hải, Nguyễn Du đã để lại lời cảnh báo cho nhà Nguyễn ở Việt Nam lúc bấy giờ. Chỉ có thái độ khoan dung, sự hòa hợp dân tộc mới có thể giải quyết tận gốc rễ hiện tượng bạo loạn trong xã hội.

Tư tưởng khoan dung của Nguyễn Du như đã nói trên là có hai mặt và có nguyên tắc của nó. Khổng Tử đã từng nói: “Có ghét kẻ bất nhân thì mới làm người nhân đức được”. Nguyễn Du cực lực lên án bất công xã hội, bọn tham quan ô lại cậy quyền thế hống hách, dựa trên uy quyền của nhà nước để mưu lợi cho cá nhân: “Có ba trăm lượng việc này mới xuôi”. Nguyễn Du vạch trần những việc làm xấu xa của Mã Giám Sinh - kẻ buôn người, của Tú Bà - kẻ chuyên sống bằng nghề kinh doanh thân xác của những người con gái xấu số. Ông cũng lên án trò lường gạt phụ nữ của Sở Khanh, những cái tên như Tú Bà, Sở Khanh... vì thế đã trở nên quá quen thuộc với người Việt Nam, mỗi cái tên đã trở thành đại diện cho một loại tội phạm trong xã hội. Tuy khoan dung nhưng Nguyễn Du có phân biệt ân oán, có ân thì báo ân, có oán thì trả oán. Thật ra,

việc trả oán của Thúy Kiều tuy có nặng tay, nhưng ta phải đặt việc này trong bối cảnh của xã hội cũ, có như vậy mới khuyến khích việc làm lương thiện và răn đe đối với kẻ ác.

Tư tưởng khoan dung của Nguyễn Du (tư tưởng hiếm có đối với một nhà nho phong kiến) được lý giải bởi các lý do sau:

Một là, Nguyễn Du có thái độ chân tình đối với mọi người. Các nhà nho trước đây nhất là những nhà thơ đều là những người đa tình. Ngay người cha của Nguyễn Du là ông Nguyễn Nghiễm cũng có đến ba vợ, mẹ của Nguyễn Du là người vợ thứ ba. Nguyễn Du cũng có quan hệ với nhiều cô gái khác ngoài vợ mình, nhưng thái độ của ông đối với các cô bạn gái hoàn toàn khác với Nguyễn Công Trứ. Nguyễn Công Trứ mặc dù là người ăn chơi: “Giang sơn một gánh giữa đồng/ Thuyền duyên ứ hự, anh hùng nhớ chẳng”, nhưng Nguyễn Công Trứ nhìn các cô gái chỉ là những phương tiện, những thú tiêu khiển, không có gì đáng nói, đáng trọng. Còn Nguyễn Du luôn luôn đối xử bình đẳng và có thái độ tôn trọng những người bạn gái của mình như là những hồng nhan tri kỷ, nên mới tìm hiểu và thông cảm với cảnh ngộ của họ và viết nhiều tác phẩm ca ngợi họ. Chính với sự am hiểu, từng trải này đã làm nên tư tưởng khoan dung đối với những con người thuộc các tầng lớp bị xã hội phong kiến coi khinh và Nguyễn Du đã thực sự truyền cảm hứng cho hàng triệu con tim đầy lòng nhân ái khác ở thời kỳ của ông và các thời đại sau này.

Hai là, Nguyễn Du có lòng trắc ẩn sâu sắc. Lòng trắc ẩn, theo Mạnh Tử là nguồn gốc của lòng nhân ái. Người mà không có lòng trắc ẩn thì không thể nhân đức được. Khi mình được may mắn ở trong điều kiện

sung sướng thì phải biết thông cảm với hoàn cảnh khó khăn của người khác; tai họa đến với người khác thì cũng có thể đến với mình và gia đình mình bất cứ lúc nào.

Ba là, Nguyễn Du có quan niệm rằng cái quý nhất của con người là tâm hồn, không phải là thân xác. Điều này cũng đã được các nhà triết học ở Hy Lạp cổ đại như Socrates, Platon luận chứng. Ở đây có sự đồng nhất giữa tư tưởng đạo đức phương Đông và đạo đức phương Tây. Qua lời Thúy Kiều, Nguyễn Du chỉ ra cho chúng ta: “Kiều rằng: “Những đáng tài hoa/ Thác là thể phách, còn là tinh anh”.

Bốn là, Nguyễn Du có cha là quan nhất phẩm triều Lê, nhưng do thời thế thay đổi, trong số anh em của Nguyễn Du có người ra giúp Tây Sơn, có người bị Tây Sơn buộc tội; bản thân Nguyễn Du cũng phải ra làm quan cho nhà Nguyễn. Theo tư tưởng trung quân phong kiến thì “trung thần bất phụng nhị quân” (người tôi trung không thờ hai triều đại). Nếu theo nguyên tắc đó, việc Nguyễn Du ra phục vụ triều Nguyễn là bất trung với triều Lê. Thật ra trong một đời người chứng kiến sự thay đổi của xã hội qua ba triều đại, thật khó phân biệt thế nào là trung, thế nào là phản. Do thời thế thay đổi, một triều đại mới thay thế một triều đại cũ, một người có tài đức không thể chết theo triều đại cũ được, vấn đề là phục vụ nhân dân đâu phải một triều đại. Cho nên Nguyễn Du có thái độ mềm dẻo về chính trị là hợp lý. Ông nói về “chữ trình” nhưng thật ra ông dùng để ám chỉ “chữ trung” trong thời loạn: “Chữ trình kia cũng có ba bảy đường/ Có khi biến, có khi thường”.

3. Tư tưởng lạc quan

Tư tưởng lạc quan của Nguyễn Du tuy có phần bị hạn chế bởi thuyết tiền định của

triết học phương Đông và thuyết nhân quả của đạo Phật, nhưng ông đã khắc phục một phần bằng việc đề cao vai trò của con người. Tuy thừa nhận “phúc họa đạo Trời”, nhưng ông nói: “Cổ nguồn, cũng ở lòng người mà ra” và ông kết luận: “Có Trời mà cũng tại ta”.

Bằng hoạt động chủ quan, con người có thể thay đổi số phận của mình và của xã hội. Một mặt, Nguyễn Du khẳng định: “Cho hay muôn sự tại Trời”, nhưng mặt khác, ông nói: “Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều”.

Theo Nguyễn Du, con người có bản tính tự nhiên khi sinh ra, thể hiện ở năng lực bẩm sinh, tư chất bẩm sinh. Ông nói điều này với những câu: “Thông minh vốn sẵn tính Trời”; “Văn chương nét đất, thông minh tính Trời”. Tuy nhiên, cái tính trời đó cũng có thể thay đổi. Thúy Kiều vốn có cái tính u sầu, chính Thúy Kiều đã từng thú nhận “tê, vui thời cũng tính trời biết sao”, nhưng sau mười lăm năm lưu lạc thì cái tính đó hoàn toàn thay đổi, làm cho tiếng đàn cũng khác xưa. Nếu trước đây cũng tiếng đàn ấy nhưng “nghe ra ngâm đắng nuốt cay”, “bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay” thì giờ đây tiếng đàn ấy lại “đằm ăm dương hòa”, “êm ái xuân tình”. Chính Kim Trọng cũng ngạc nhiên: “Chàng rằng: “Phổ ấy tay nào?/ Xưa sao sầu thảm, nay sao vui vầy?”.

Như vậy, “tê vui” đâu phải chỉ do tính trời, mà còn do lòng mình nữa. Câu nói của Kim Trọng cũng chính là lời giải đáp của Nguyễn Du: “Tê vui bởi tại lòng này”.

Kết cấu của Truyện Kiều cho ta thấy rằng cuộc đời con người có lúc khổ cực nhưng nếu kiên trì đi theo con đường của cái thiện thì rốt cục cũng sẽ có ngày sung

sướng. Với những con người tốt thì sẽ có kết cục tốt đẹp như gia đình Thúy Kiều và cả nàng Thúy Kiều nữa. Tư tưởng này có tác dụng giúp con người trong hoàn cảnh khó khăn hoạn nạn nuôi hy vọng sẽ có ngày mai tươi sáng: “Hoa tàn mà lại thêm tươi/ Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa”.

Cách nhìn nhận này có lẽ không hoàn toàn đúng cho mọi cá nhân, vì có nhiều cá nhân sống lương thiện nhưng vì chiến tranh, ngay cả trong điều kiện hiện nay cũng có thể gặp hoạn nạn, mà không được đền bù, không phải lúc nào ân oán cũng phân minh. Tuy nhiên, đối với một xã hội, một dân tộc thì tư tưởng lạc quan này đã được chứng minh rất rõ.

Tinh thần lạc quan hay bi quan cũng thể hiện rất rõ qua âm nhạc. Cùng một con người nhưng tiếng đàn của Thúy Kiều trước và sau thời kỳ lưu lạc hoàn toàn khác nhau. Cùng một dân tộc nhưng những bài hát cách mạng thì vô cùng vui tươi, hào hùng, chính những tiếng hát đó đã át được tiếng bom đạn. Nhưng âm nhạc của phía bên kia thì lại sầu thảm, bi đát, có lẽ đó là một trong những điều kiện dẫn đến thất bại của họ.

Tư tưởng khoan dung và lạc quan về tương lai đã giúp Đảng, Nhà nước và dân tộc ta nhận được sự đồng tình của bạn bè năm châu, phân hóa được kẻ thù, vượt qua muôn vàn khó khăn để giành thắng lợi cuối cùng trong hai cuộc kháng chiến. Ngày nay, nhờ có lòng khoan dung và cách nhìn lạc quan mà chúng ta đã “khép lại quá khứ, hướng về tương lai”, kết bạn chân thành với những nước trước đây vốn là kẻ thù, như Pháp, Mỹ, Nhật Bản... mở ra cho đất nước ta một chân trời mới, tương lai tươi sáng.

Các chính khách quan trọng của Mỹ cũng đã ý thức được điều này và cũng rất

tâm đắc với tư tưởng của nhà đại thi hào Nguyễn Du. Tổng thống Mỹ Bill Clinton trong chuyến thăm Việt Nam tháng 11/2000 đã lấy Kiều để nói về tương lai quan hệ giữa hai dân tộc Việt Nam - Mỹ: “Sen tàn cúc lại nở hoa/ Sầu dài, ngày ngắn, đông đã sang xuân”.

Mười lăm năm sau, một chính khách quan trọng khác của Mỹ đã làm cho người Việt Nam trong và ngoài nước vô cùng ngạc nhiên trước sự am hiểu Truyện Kiều và văn hóa Việt Nam của người Mỹ và nhất là qua việc lấy Kiều đã nói lên thái độ chân thành và tin tưởng của người Mỹ trong việc mở rộng quan hệ toàn diện với Việt Nam. Trong cuộc chiêu đãi Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Bộ Ngoại giao Mỹ trưa ngày 7/7/2015, Phó Tổng thống Mỹ Joe Biden kết thúc bài phát biểu bằng hai câu Kiều: “Trời còn để có hôm nay/ Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời” [2].

Với hai câu này, Joe Biden và những nhà tham mưu chiến lược ngoại giao của Mỹ đã gửi gắm vào đây niềm tin lạc quan rằng: chiến tranh, thù địch, cấm vận, sự khác biệt về chính kiến, những rào cản về kinh tế... giờ đây giống như “sương” và “mây” đã bị mặt trời xóa tan để hai dân tộc Mỹ và Việt Nam ngày càng xích lại gần nhau hơn. Đối

với người Việt Nam, hai câu này vừa thể hiện tư tưởng khoan dung và lạc quan của Đảng và Nhà nước ta, vừa nói lên được niềm tin ở tương lai tươi đẹp của dân tộc mình.

4. Kết luận

Truyện Kiều không chỉ có giá trị về mặt nghệ thuật văn thơ mà còn chứa đựng nhiều giá trị nhân văn có tính triết lý rất sâu sắc, không chỉ có ảnh hưởng đến suy nghĩ và tình cảm của người Việt Nam mà còn làm cho những con người có tâm huyết trên thế giới phải thán phục. Bên cạnh tư tưởng nhân nghĩa, yêu thương, cứu giúp con người, quý trọng chữ tâm, chữ tình hơn vật chất, thì tư tưởng khoan dung sẵn sàng chấp nhận tính đa dạng trong lối sống do hoàn cảnh khách quan đem lại với sự lên án những bất công, bất nghĩa, giả dối, lừa đảo và tư tưởng lạc quan tin tưởng vào tương lai rồi sẽ tốt đẹp, mặc dù phải trải qua nhiều sóng gió, gian truân là những giá trị nhân văn cốt lõi của Truyện Kiều mà mỗi người chúng ta cần phải ra sức gìn giữ và phát huy.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Du (1978), *Truyện Kiều*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [2] <https://www.youtube.com/watch?>

